TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2026/KDTM-ST
Ngày: 20/5/2026
(Tr/chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Ông Chu Bá Hữu

2. Bà Lê Kim Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Lệ Quyên, Thư ký TAND Khu vực 5 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Bùi Bách Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 23/4/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 13/2026/TLST-KDTM ngày 02/3/2026, về việc *"Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2026/QĐXXST-KDTM ngày 13/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2026/QĐST-KDTM ngày 29/4/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty TNHH V**
MSDN: 010505xxxx
Trụ sở: Số D, ngõ F phố D, phường C, thành phố Hà Nội.
Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn A – Theo văn bản ủy quyền ngày 01/02/2026 của Công ty TNHH V.
(Có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: **Công ty TNHH Xây dựng Hảo Hảo**
MSDN: 011007xxxx
Địa chỉ: Số A phố M, phường P, thành phố Hà Nội.
Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị T – Giám đốc
(Vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 01/02/2026 và ý kiến trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn là Công ty TNHH V trình bày:*** Ngày 10/01/2025, Công ty TNHH V *(sau đây gọi tắt là Công ty V)* và Công ty TNHH X *(Công ty X)* đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 005/HĐNT/TL-HH về việc mua bán hàng hóa, cung cấp vật tư, thiết bị. Công ty V đã thực hiện theo đúng thỏa thuận giao

hàng theo Hợp đồng nêu trên và xuất hóa đơn V.A.T theo đúng quy định pháp luật. Đến ngày 30/06/2025, các Bên đã đối chiếu và lập Biên bản xác nhận công nợ, theo đó thì số tiền Công ty X còn nợ Công ty V tổng số tiền là 247.064.996 đồng *(hai trăm bốn mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi tư nghìn, chín trăm chín mươi sáu đồng)*. Do vậy, tại đơn khởi kiện ghi ngày 01/02/2026, Công ty V đề nghị Toà án buộc Công ty X có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền 260.196.670 đồng *(Hai trăm sáu mươi triệu một trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi đồng)*, trong đó bao gồm 247.064.996 đồng nợ gốc, 13.131.674 đồng nợ lãi.

Ngày 12/02/2026, Công ty X thanh toán thêm cho Công ty V số tiền 80.000.000 đồng *(tám mươi triệu đồng)* bằng hình thức chuyển vào tài khoản của Công ty V với nội dung *"Hao hao tt cong no Thu L"*. Do vậy, đến thời điểm xét xử sơ thẩm, Công ty X còn tồn đọng số tiền nợ gốc là 167.064.996 đồng *(Một trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn, chín trăm chín mươi sáu đồng)* mà chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán với Công ty V.

Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện và các lời khai, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết những vấn đề sau:

1) Buộc Công ty TNHH X thanh toán cho chúng tôi số tiền 167.064.996 đồng *(Một trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi tư nghìn, chín trăm chín mươi sáu đồng)*.

2) Buộc Công ty TNHH X thanh toán tiền lãi chậm trả do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 10%/ năm, tạm tính từ ngày 30/06/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (20/5/2026) là 19.805.221 đồng *(Mười tám triệu, tám trăm lẻ năm nghìn, hai trăm hai mươi mốt đồng)*.

3) Buộc Công ty TNHH X tiếp tục chịu khoản tiền lãi chậm trả kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong việc trả nợ, theo mức lãi suất 10%/năm.

**** Bị đơn – Công ty TNHH X:*** Đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại các buổi làm việc không có lý do.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội phát biểu:***

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác minh thu thập chứng cứ, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho VKS và đương sự đúng quy định. Tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành pháp luật tố tụng; bị đơn đã được tòa án triệu tập theo quy định của pháp luật nhưng không đến, không đưa ra quan điểm giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Hợp đồng nguyên tắc số 005/HĐNT/TL-HH được các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện giao hàng và xuất hoá đơn theo đúng thoả thuận. Ngày 30/6/2025, đại diện hai bên tiến hành ký Biên bản xác nhận công nợ, cụ thể: Công ty X phải thanh toán cho Công ty V số tiền 247.064.996 đồng. Ngày 12/01/2026, phía Công ty V đã gửi Công văn yêu cầu Công ty X thanh toán nợ. Đến tháng 2, phía công ty X mới thanh toán được số tiền 80 triệu đồng. Như vậy tính đến nay, Công ty X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đồng thời còn nợ Công ty V số tiền gốc là: 167.064.996 đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 50, 306 Luật Thương mại 2005, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là Công Ty TNHH V. Buộc Công ty TNHH X phải thanh toán cho Công Ty TNHH V số tiền nợ còn lại 167.064.996 đồng và khoản lãi phát sinh do chậm thanh toán.

+ Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:* Công ty TNHH V khởi kiện tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc (nội dung thoả thuận về việc mua bán, cung ứng hàng hóa); Cả nguyên đơn và bị đơn đều là Pháp nhân có đăng ký kinh doanh, do vậy thuộc trường hợp tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận; địa chỉ của bị đơn và nơi thực hiện hợp đồng đều thuộc địa bàn phường P, thành phố Hà Nội. Nguyên đơn lựa chọn nộp đơn khởi kiện vụ án tại Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội, do vậy Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội thụ lý vụ án về *"tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hoá"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm g Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Hợp đồng lập tháng 01/2025, các bên chốt nợ tháng 6/2025, tiếp tục thanh toán ngày 20/02/2026. Theo Điều 429 của Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 319 của Luật Thương mại 2005 thì vụ án thuộc trường hợp còn thời hiệu khởi kiện. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện.

- *Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:* Công ty TNHH X đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do, do vậy căn cứ vào Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Công ty TNHH V:

[2.1] Xét Hợp đồng nguyên tắc số 005/HĐNT/TL-HH ngày 10/01/2025 giữa Công ty V và Công ty X về việc mua bán hàng hóa, cung cấp vật tư, thiết bị xây dựng, được giao kết trên cơ sở không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nội dung và hình thức của giao dịch phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và Luật Thương mại, do đó được công nhận và có giá trị hiệu lực ràng buộc các bên.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty V đã giao hàng và xuất hóa đơn theo đúng thỏa thuận, Công ty X không có ý kiến phản hồi gì về chất lượng, số lượng, chủng loại... Căn cứ vào các Hóa đơn giá trị gia tăng, Biên bản xác nhận công nợ, chứng từ chuyển khoản ngày 12/02/2026, có đủ căn cứ xác định tính đến thời điểm khởi kiện, Công ty X còn nợ Công ty V số tiền hàng là 167.064.996 đồng.

Việc Bị đơn chậm thanh toán đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc Bị đơn – Công ty TNHH X phải thanh toán cho Nguyên đơn – Công ty TNHH V số tiền nợ gốc **167.064.996 đồng** *(một trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi tư nghìn, chín trăm chín mươi sáu đồng)* là phù hợp với quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại.

[2.3] Xét yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn thanh toán số tiền *lãi chậm trả*, Hội đồng xét xử nhận thấy: Điều 306 Luật Thương mại quy định: *"Trong trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng... thì bên vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác"*. Do vậy, Bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán lãi chậm trả.

[2.3.1] Về lãi suất: Bị đơn đã vi phạm điều khoản về thanh toán theo hợp đồng mà các bên đã ký kết. Lẽ ra, bị đơn phải chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn (bằng 150% của lãi suất trong hạn) trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại. Cụ thể tại thời điểm tháng 5/2026, lãi suất cho vay (trong hạn) trung bình đối với doanh nghiệp của B là 9,1%/năm, V1 là 6,3%/năm, A2 là từ 8,38%/năm. Như vậy lãi suất quá hạn trung bình của 03 ngân hàng nêu trên là (9,1+6,3+8,38) : 3 = 7,926%/năm x 150% (quá hạn) = 11,889%/năm. Tuy nhiên, Nguyên đơn đề nghị áp dụng **mức lãi suất 10%/năm** để tính lãi, xét thấy mức lãi suất mà nguyên đơn đề nghị thấp hơn mức lãi suất quá hạn trung bình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3.2] Thời điểm phát sinh lãi do chậm thanh toán:

Theo thoả thuận tại Khoản 4 và 5 Điều IV của Hợp đồng thì *thời hạn thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận đủ chứng từ thanh toán*, *chứng từ thanh toán gồm có biên bản giao nhận hàng từng đợt, báo giá đơn hàng, hoá đơn tài chính hợp lệ*.

Theo Biên bản xác nhận công nợ lập ngày 30/6/2026 thì số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 247.064.996 đồng được thể hiện tại Hoá đơn VAT số 1048 ngày 19/6/2025, ngày cuối cùng của hạn thanh toán (+10 ngày) là 29/6/2025.

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi kể từ ngày 30/6/2025 là có cơ sở chấp nhận.

[2.3.3] Số tiền lãi được tính như sau:

- Từ ngày 30/6/2025 đến ngày 12/02/2026 là 227 ngày, số tiền lãi là: 247.064.996 đồng x (10%/năm : 365 ngày) x 227 ngày = 15.365.412 đồng (1)

- Từ ngày 13/02/2026 đến ngày 30/5/2026 là 97 ngày, số tiền lãi là: 167.064.996 đồng x (10%/năm : 365 ngày) x 97 ngày = 4.439.809 đồng (2)

Tổng số tiền lãi là (1) + (2) = **19.805.221 đồng** *(mười chín triệu, tám trăm lẻ năm nghìn, hai trăm hai mươi mốt đồng)*.

[2.3.4] Bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[3] Về án phí, quyền kháng cáo:

- Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Hoàn trả Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm g Khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 50, và 306 của Luật Thương mại 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V:

- Buộc Công ty TNHH X phải thanh toán cho Công ty TNHH V số tiền **167.064.996 đồng** *(một trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi tư nghìn, chín trăm chín mươi sáu đồng)* nợ gốc và **19.805.221 đồng** *(mười chín triệu, tám trăm lẻ năm nghìn, hai trăm hai mươi mốt đồng)* tiền lãi do chậm thanh toán, phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc số 005/HĐNT/TL-HH ngày 10/01/2025. Tổng số

tiền Công ty TNHH X phải thanh toán cho Công ty TNHH V là **186.870.217đồng** *(một trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi nghìn, hai trăm mười bẩy đồng).*

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc với mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự 2008. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự 2008.

2. Về án phí:

- Bị đơn là Công ty TNHH X phải chịu 9.343.500 đồng án phí KDTM sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Công ty TNHH V số tiền tạm ứng án phí 3.900.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0004639 ngày 27/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc A1